

Khía cạnh giới trong thị trường lao động đô thị của người nhập cư tại thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Đặng Minh Thảo

Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ

Tóm tắt: Dựa vào nguồn số liệu của đề tài “Tác động của chính sách đăng ký cư trú hiện nay đến việc giảm nghèo đô thị 2005”, bài viết phân tích một số khía cạnh giới trong quá trình hội nhập vào thị trường lao động đô thị của người nhập cư như quá trình tìm kiếm việc làm khi di cư đến đô thị, sự phân bố việc làm trong các khu vực, mức độ ổn định của công việc cũng như các yếu tố tác động đến khả năng hội nhập việc làm của người nhập cư đô thị. Kết quả phân tích cho thấy phần nào sự khác biệt giới trong quá trình hội nhập vào thị trường lao động đô thị.

Từ khóa: Giới; Giới và lao động việc làm; Khía cạnh giới trong thị trường lao động đô thị.

1. Đặt vấn đề

Vấn đề hội nhập vào thị trường lao động của người nhập cư tại các đô thị là một vấn đề đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Các công trình nghiên cứu về di dân đã phân tích thuận lợi, khó khăn trong quá trình hội nhập của người nhập cư; tìm hiểu tính chất, xu hướng của các luồng di dân, phân tích những nguyên nhân thúc đẩy di cư, sức thu hút của thị trường lao động đô thị; khả năng hội nhập của dân nhập cư vào đô thị. Kế

thừa kết quả của các công trình nghiên cứu trước, bài viết này tập trung phân tích sự hội nhập vào thị trường lao động đô thị của người nhập cư qua cách tiếp cận giới.

Người nhập cư đến thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) với đa dạng về thành phần, họ đã có những nỗ lực riêng để thích nghi được với môi trường thành phố. Vấn đề đầu tiên và quan trọng hơn cả là về việc làm. Tùy theo đặc điểm cá nhân, mỗi người nhập cư sẽ có khả năng tiếp cận khác nhau với những cơ hội về việc làm. Nhìn chung người nhập cư đến thành phố rất năng động, họ không tốn nhiều thời gian để tìm một công việc tương đối ổn định so với hoàn cảnh của họ ở quê gốc. Người nhập cư tiếp cận nguồn việc làm nhanh hơn người dân tại chỗ, bởi vì việc làm là một nhu cầu đầu tiên và rất cơ bản để họ tồn tại ở thành phố và họ chấp nhận làm những công việc mà có thể người dân thành phố không làm. Điều này cho thấy triển vọng về khả năng hội nhập về việc làm của người nhập cư ở môi trường đô thị.

Bài viết này nêu ra một số yếu tố liên quan đến quá trình hội nhập vào thị trường lao động ở khu vực đô thị của người nhập cư, trong đó nhấn mạnh đến khía cạnh giới. Qua đó gợi ra một số vấn đề cần quan tâm nhằm tạo thuận lợi cho người nhập cư, đặc biệt là phụ nữ trong quá trình hội nhập vào thị trường lao động đô thị.

Số liệu trong bài viết dựa vào đề tài nghiên cứu: “Tác động của chính sách đăng ký cư trú hiện nay đến việc giảm nghèo đô thị” do Trung tâm Xã hội học thuộc Viện Khoa học Xã hội Vùng Nam Bộ phối hợp với VeT (Villes en Transition in Viet Nam) tiến hành tháng 4 năm 2005 tại thành phố Hồ Chí Minh. Dung lượng mẫu nghiên cứu là 300 hộ gia đình tạm trú thuộc diện KT3 và KT4, 20 phỏng vấn sâu đại diện Ủy ban Nhân dân phường, công an phường, tổ trưởng và các hộ gia đình và 9 thảo luận nhóm đại diện hộ gia đình được lựa chọn theo các tiêu chí như: nghề nghiệp, giới tính, thời gian đến và nơi xuất cư tại 3 phường Bình Hưng Hòa - quận Bình Tân, phường 12 - quận Gò Vấp và phường 11 - quận 3 thành phố Hồ Chí Minh.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Quá trình tìm kiếm việc làm của người nhập cư vào thị trường lao động đô thị

Khoảng thời gian người nhập cư tìm được việc làm sau khi đến thành phố có ý nghĩa quan trọng trong đánh giá khả năng thu hút lao động của

thị trường lao động ở đô thị. Cuộc khảo sát này cho thấy gần 2/3 số người nhập cư có nhu cầu việc làm đã tìm được việc trong vòng một tháng sau khi họ đến thành phố, trong đó có 13,5% số người đi làm ngay mà không mất thời gian tìm việc. Phân tích theo giới tính cho thấy 16,2% nam giới không mất thời gian tìm việc khi đến thành phố, trong khi đó đối với phụ nữ chỉ có 10,3%. Số người mất từ hơn 1 tháng để tìm việc làm trở lên chiếm 1/3 trong mẫu khảo sát. Việc phân tích thời gian tìm việc theo thời điểm nhập cư cho thấy những người nhập cư trong những năm gần đây có thể tìm được việc làm tại thành phố nhanh hơn trước, chứng tỏ nhu cầu của thị trường lao động ở thành phố đang tăng mạnh, đặc biệt khu vực kinh tế phi chính thức, nơi thu hút các lao động ngoại tỉnh, nhất là lao động từ nông thôn vào đô thị. Đây cũng là cơ hội cho người nhập cư và chính vì vậy không có sự khác biệt nhiều về thời gian tìm việc nhìn ở góc cạnh giới.

Yếu tố học vấn có ảnh hưởng đến thời gian tìm việc của người nhập cư. Những người có trình độ học vấn cao hơn phải mất nhiều thời gian hơn để có việc làm đầu tiên tại thành phố. Nguyên nhân của hiện tượng này có thể là do: (1) những người có trình độ học vấn cao hơn thường kén chọn hơn về việc làm và (2) nhu cầu của thị trường lao động giản đơn cao hơn.

Khi tìm việc làm đầu tiên ở thành phố, lao động nhập cư thường dựa vào sự giúp đỡ của người thân, họ hàng thông qua bạn bè, người quen. Kết quả khảo sát cho thấy có 2/3 số người được phỏng vấn cho biết họ tìm được việc làm là nhờ người thân, bạn bè, người cùng quê giúp đỡ giới thiệu. Số còn lại chủ động tìm kiếm hoặc qua trung tâm giới thiệu việc làm và thông tin báo, đài. Trong đó, nữ giới nhận được sự giúp đỡ ít hơn nam giới (63,2% so với 71,9%).

Trong quá trình di cư, người di cư tự thiết lập nên các mối quan hệ xã hội và chịu sự tác động của các mối quan hệ ấy. Những mối quan hệ xã hội này tạo thành một mạng lưới có ảnh hưởng quan trọng đến toàn bộ quá trình di cư (Văn Ngọc Lan và cộng sự, 2001). Mạng lưới đó giúp cho người di cư có được những thông tin về nơi đến cũng như các điều kiện cần thiết nhất về việc làm, qua người quen trước khi quyết định di cư (VIE/95/004, 2001).

2.2. Cơ cấu nghề nghiệp của người nhập cư

Kết quả khảo sát cho thấy nhóm việc làm chiếm tỉ lệ cao nhất trong cơ cấu nghề nghiệp đối với cả nam và nữ là buôn bán, dịch vụ, công nhân và

lao động tự do. Xuất phát từ thực tế trình độ học vấn của những lao động này chủ yếu là cấp 2, cấp 3 và “*tính chất di chuyển theo phong trào, người sau nói gót người trước*” (Nguyễn Trọng Liêm, 2004), cho nên cả 3 nhóm nghề mà người lao động lựa chọn đều không đòi hỏi chuyên môn cao, không cần nhiều vốn, chỉ cần có sức khỏe và kinh nghiệm là có thể làm việc và có thu nhập. Theo đánh giá của người trả lời, có một điểm chung cho cả hai giới, đó là đều làm những công việc theo những người đi trước,

chẳng hạn như bán hàng rong, bán báo, bán vé số dạo, mua bán ve chai, phụ hồ và công nhân. Nghĩa là nghề nghiệp mà họ lựa chọn phù hợp với phương thức di chuyển theo phong trào từ lúc ở quê nhà (hộp 1). Điều này chứng tỏ người lao động không mấy khó khăn khi hội nhập vào thị trường lao động của thành phố.

Tuy nhiên, xét về tổng thể thì tỷ lệ lao động nam và nữ giới trong các nhóm công việc là khác nhau. Cụ thể ở nhóm buôn bán-dịch vụ lao động nữ chiếm 23,5%, trong khi nam chỉ có 17,4%. Có thể nói đây là một trong những nhóm nghề được nhiều người di cư lựa chọn, nhất là đối với lao động nữ bởi nó không cần nhiều vốn, không cần kiến thức, chỉ cần sự cần cù, chịu khó. Những yêu cầu này rất phù hợp hoàn cảnh, điều kiện của lao động nữ di cư. Ở nhóm công nhân, lao động nữ chiếm 19,1% trong khi lao động nam chỉ có 13,1%. Đây cũng là nghề mà lao động nữ trẻ lựa chọn nhiều nhất bởi nhu cầu của ngành công nghiệp nhẹ đang phát triển ở thành phố. Song với những việc làm đòi hỏi tay nghề thì nam giới lại chiếm một tỷ lệ rất cao (30,8%), so với nữ giới chỉ chiếm 15,9%. Đối với công việc đòi hỏi trình độ quản lý và có sự đào tạo chính quy như: chủ thầu, chủ cơ sở, giám đốc và cán bộ... lao động nam chiếm tỷ lệ cao hơn nữ giới. Theo lý thuyết kinh tế tân cổ điển về việc làm và tách biệt giới trên thị trường lao động, các yếu tố văn hóa, xã hội có ảnh hưởng đến sự tham gia và khác biệt giữa phụ nữ, nam giới trên thị trường lao động (Zimer-man, 1987;

Hộp 1. Thảo luận nhóm người nhập cư phường 12, quận Gò Vấp

Có người đi trước rồi, họ ở đó làm ăn thời gian, họ về nhà thăm nhà thì mình đến hỏi thăm, ở trong đó buôn bán làm ăn gì được không, họ nói chịu khổ thì được, họ nói theo họ không, nếu theo thì chừng nào họ đi thì đi theo. Tôi quyết định đi theo họ buôn bán hàng rong, vì trong nhà có nhiều người trong độ tuổi lao động, không có việc gì làm ngoài quê, nên vào đây kiếm tiền dễ hơn. Tìm một việc làm đơn giản ở thành phố này không khó, quan trọng là có chịu làm không mà thôi. (TLN KT3 và KT4, Nam, 28 tuổi, buôn bán quanh các quán nhậu, khu phố 7, phường 12, quận Gò Vấp).

Chafetz J, 1994.v.v, dẫn theo Ngô Tuấn Dung, 2005). Xét ở góc độ này, hầu hết các đặc điểm cá nhân, sự khác biệt trên thị trường lao động việc làm là kết quả của quá trình xã hội hoá giới và đặc điểm quá trình giáo dục mà cá nhân trải qua với các trình độ và kỹ năng khác nhau ở gia đình, nhà trường và cộng đồng. Các thái độ và hành vi của cá nhân đóng vai trò quan trọng và có ảnh hưởng rất mạnh, bộc lộ rõ rệt trong quá trình chọn lọc giáo dục và hướng nghiệp của cá nhân. Quá trình này định hướng nam nữ vào những nghề khác nhau cũng như chọn lựa vào các vị trí khác nhau trong cùng một nghề. Quá trình xã hội hóa theo các vai trò, khuôn mẫu giới truyền thống và ảnh hưởng của kì vọng xã hội thường hướng trẻ em gái và trai vào các ngành nghề cụ thể, ảnh hưởng đến sự lựa chọn và tham gia làm việc khi họ trưởng thành. Do quá trình định hình và bị dán nhãn “việc làm là của nữ và nam”, nên nam và nữ thường được khuyến khích tham gia vào các lĩnh vực được xem là “phù hợp” với đặc điểm giới tính của mình, sự gắn bó hoặc quá nhấn mạnh của dư luận xã hội đối với các công việc cũng khiến nhiều phụ nữ, nam giới tìm kiếm các công việc “phù hợp” mang tính truyền thống tương ứng với mỗi giới tính. Kết quả phân tích về cơ cấu nghề nghiệp từ cuộc khảo sát này là phù hợp với lý thuyết đã nêu, thể hiện ở việc phân công lao động tách biệt theo giới ở cấp độ chiều ngang, ví dụ ở ngành dệt may, dịch vụ giải trí, buôn bán, v.v..tập trung nhiều lao động nữ; trong khi ở các nhóm ngành như xây dựng, giao thông... chủ yếu thu hút lao động nam.

Số liệu cũng cho thấy lao động nhập cư thường xác định công việc sẽ làm trước khi đến thành phố Hồ Chí Minh, chỉ có một số ít người tìm được

Bảng 1. Nhóm việc làm đầu tiên và hiện nay của người trả lời theo giới tính (%)

	Nhóm việc làm đầu tiên		Nhóm việc làm hiện nay	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Đi học, thất nghiệp	12,2	7,4	3,0	12,5
Buôn bán nhỏ, dịch vụ	15,2	27,2	21,3	24,3
Thợ có tay nghề	34,8	18,4	32,9	12,5
Công nhân	11,6	22,8	11,6	24,3
Lao động phổ thông	15,9	18,4	4,9	10,3
Thầu, chủ, giám đốc	6,1	2,2	6,1	2,2
Công nhân viên	4,3	3,7	20,1	14,0

việc do được người khác chỉ dẫn hoặc chuyển lại khi họ không tiếp tục làm nữa. Chính bản thân người nhập cư cũng khẳng định rằng họ không mấy khó khăn khi hội nhập vào thị trường lao động của thành phố. Chẳng hạn khi được hỏi: “Anh/chị có gặp trở ngại khi tìm việc tại thành phố?” có 63,5% nêu không có trở ngại gì. Có sự khác biệt giữa lao động nam và nữ trong quá trình lựa chọn công việc. Tuy nhiên, so sánh việc làm đầu tiên với việc làm hiện nay cho thấy việc làm của lao động nữ có thay đổi sau một thời gian sinh sống tại thành phố (Bảng 1).

Sự khác biệt này có thể do khi mới đến thành phố, nam giới là người có tay nghề làm thợ khá nhiều (34,8%). Ngoài ra, số lượng làm lao động phổ thông ở công việc đầu tiên cũng khá cao (15,9 %) vì đó là những nghề dễ kiếm ở đô thị. Nhưng sau một thời gian, nam giới có thể tìm được cho mình những công việc phù hợp hơn.

2.3. Khu vực làm việc và mức độ ổn định về việc làm của người nhập cư

Kinh tế hộ gia đình vẫn là khu vực đang tạo việc làm nhiều nhất cho người lao động nhập cư, tiếp đó là các công ty trách nhiệm hữu hạn/doanh nghiệp tư nhân. Tỷ lệ nam giới làm ở khu vực nhà nước cao gấp 3 lần so với nữ giới. Trong khi đó, ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, tỷ lệ nữ giới lại cao gấp 2 lần so với nam (Trung tâm Xã hội học và Tổ chức VeT, 2005). Kết quả này cũng trùng hợp với kết quả điều tra doanh nghiệp 2003 của Tổng cục Thống kê năm 2005 khi cho thấy nam giới có xu hướng được tuyển dụng vào các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân, còn phần lớn nữ giới làm việc tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Lý do là bởi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thường là những ngành như giày da, dệt may.. thu hút chủ yếu lao động nhập cư trẻ, đặc biệt là nữ giới. Hiện nay có từ 70% đến 80% công nhân làm trong các ngành này là nữ giới (Tổng cục Thống kê, 2005). Tuy nhiên, khu vực kinh tế phi chính thức vốn thu hút đông đảo lực lượng lao động nhập cư thường không có sự khác biệt về giới tính.

Khía cạnh ổn định của công việc thường được xem xét thông qua việc ký kết hợp đồng lao động. Do phần lớn lao động nữ tập trung ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc doanh nghiệp nước ngoài trong khu chế xuất, khu công nghiệp, nên tỷ lệ lao động nữ có ký kết hợp đồng nhiều hơn so với nam. Tuy nhiên, về biên chế chính thức thì tỷ lệ lao động nam

Bảng 2. Tỷ lệ làm việc của lao động nam và nữ theo khu vực kinh tế và theo nơi xuất cư (%)

Khu vực kinh tế	Xuất cư từ nông thôn			Xuất cư từ đô thị		
	Nam	Nữ	Tổng	Nam	Nữ	Tổng
Nhà nước	6,6	3,2	5,1	10,3	4,2	7,9
Cty TNHH/ Doanh nghiệp tư nhân	19,7	22,1	20,7	33,3	41,7	36,5
Cty liên doanh/ Cty nước ngoài	3,3	12,7	4,1	10,3	8,4	6,3
Kinh tế hộ gia đình	69,7	61,1	3,2	46,2	45,8	3,2

cao hơn hẳn so với nữ.

Tóm lại, lao động nữ thường chọn những công việc phù hợp với đặc điểm năng lực, nghề nghiệp hoặc những nơi tuyển dụng có được học việc hoặc được đào tạo ngắn hạn. Trong khi đối với lao động nam thì các công việc kiếm được thường đa dạng hơn bởi họ có trình độ học vấn và trình độ tay nghề cao hơn nữ. Kết quả cho thấy người lao động nhập cư có trình độ học vấn cao và tay nghề cao thì có việc làm ổn định cao hơn. Những yếu tố này sẽ làm tăng cơ hội nghề nghiệp cho họ tại các thị trường lao động đô thị hơn.

2.4. Các yếu tố tác động đến khả năng hội nhập việc làm của người nhập cư đô thị

Kết quả khảo sát cho thấy những người sinh sống ở đô thị trước khi di cư có khả năng thăng tiến và hội nhập trên lĩnh vực việc làm cao hơn so với những người sinh sống ở nông thôn. Xét trên khu vực kinh tế, nhóm có nguồn gốc di cư từ đô thị tham gia vào khu vực nhà nước cao hơn so với nhóm ra đi từ nông thôn. Ở khu vực kinh tế hộ gia đình, tình hình có xu hướng ngược lại, nhóm ra đi từ nông thôn tham gia nhiều hơn so với nhóm có nguồn gốc đô thị. Ở cả hai khu vực kinh tế này đều thấy có sự khác biệt về giới. Nam giới xuất cư từ đô thị không những tham gia vào khu vực kinh tế nhà nước cao hơn nam giới ở nông thôn mà còn cao hơn cả nữ giới nói chung. Nữ giới thừa nhận rằng việc tiếp cận việc làm ở khu vực nhà nước đối với họ khó khăn hơn, và họ cảm thấy dễ dàng hơn khi tìm việc làm ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, vì ở đây ít đòi hỏi kỹ

Bảng 3. Việc làm chính hiện nay của lao động nhập cư theo các đặc điểm về nơi xuất cư, giới tính, học vấn và độ tuổi (%)

Đặc điểm	Khu vực kinh tế				
	Nhà nước	Doanh nghiệp tư nhân	Doanh nghiệp có vốn nước ngoài	Kinh tế hộ gia đình	Khác
Giới tính					
Nam	8,6	23,4	5,9	61,4	0,7
Nữ	2,9	21,1	10,4	64,5	1,1
Chung	5,8	22,3	8,1	62,9	0,9
Học vấn					
Cấp 1 trở xuống	2,2	13,3	5,6	77,8	1,1
Cấp 2, 3	3,5	19,2	8,0	68,6	0,7
Trung cấp trở lên	21,8	48,7	11,5	16,7	1,3
Chung	5,8	22,3	8,1	62,9	0,9
Tuổi					
15-30 tuổi	7,1	30,4	11,3	49,8	1,3
31-45 tuổi	5,0	14,9	5,0	74,8	0,5
46-60 tuổi	2,0	3,9	2,0	92,2	0,0
Chung	5,9	22,4	8,2	62,6	0,9

năng, họ có thể được đào tạo nghề ngắn hạn (bảng 2).

Khu vực kinh tế nhà nước và các doanh nghiệp tư nhân thu hút đa số lao động nhập cư có trình độ trung cấp trở lên. Khu vực kinh tế tư nhân cũng thu hút đông đảo lao động nhập cư chất lượng cao và trung bình. Trong khi đó đại đa số lao động nhập cư có trình độ học vấn thấp hơn làm việc trong khu vực kinh tế hộ gia đình. Xét theo độ tuổi, tỷ lệ người lao động nhập cư ở độ tuổi trẻ làm việc trong khu vực nhà nước, tư nhân, và đầu tư nước ngoài, cao hơn so với tỷ lệ tương ứng trong số người lao động lớn tuổi. Ngược lại, đại bộ phận người lao động lớn tuổi làm việc trong khu vực kinh tế hộ gia đình (xem Bảng 3). Mặc dù, khu vực cá thể thu hút đông đảo nhất lao động nhập cư, một bộ phận đáng kể trong số này thuộc về khu vực phi chính quy. Khả năng hội nhập của các nhóm có các đặc điểm cá nhân bất lợi là khó khăn hơn nhiều so với các nhóm khác. Nghiên

Bảng 4. Tình trạng ổn định của việc làm chính hiện nay của lao động nam và nữ theo các đặc điểm cá nhân (%)

Đặc điểm	Tình trạng ổn định của việc làm					Khác
	Biên chế chính thức	Hợp đồng dài hạn	Hợp đồng ngắn hạn	Hợp đồng "miệng"	Tự làm cho bản thân/gia đình	
Nơi xuất cư						
Nông thôn	0,7	21,7	4,9	20,5	45,7	6,5
Đô thị	3,0	29,9	6,0	22,4	34,3	4,5
Chung	1,2	23,6	5,2	21,0	43,0	6,0
Giới tính						
Nam	2,1	21,0	4,8	24,5	40,0	7,6
Nữ	0,4	25,8	6,1	16,8	45,9	5,0
Chung	1,2	23,4	5,4	20,7	42,9	6,3
Học vấn						
Cấp 1 trở xuống	0,0	5,6	4,4	30,0	48,9	11,1
Cấp 2, 3	1,0	20,4	4,7	20,9	46,9	6,0
Trung cấp trở lên	3,8	59,0	10,3	9,0	15,4	2,6
Chung	1,2	23,4	5,4	20,7	42,9	6,3
Tuổi						
15-30 tuổi	1,3	32,4	7,1	20,7	32,4	0,0
31-45 tuổi	1,5	14,9	3,0	20,3	53,5	0,0
46-60 tuổi	0,0	3,9	5,9	21,6	62,7	0,0
Chung	1,2	23,5	5,5	20,6	42,7	0,0

cứu này cho thấy nam giới có nhiều thuận lợi về học vấn, tay nghề, do vậy khả năng hội nhập của họ vào thị trường lao động đô thị cũng tốt hơn.

Yếu tố nơi xuất cư có ảnh hưởng đến tỷ lệ biên chế và hợp đồng dài hạn hay nói cách khác là có tác động đến tính ổn định của công việc (Bảng 4). Ví dụ chỉ có 0,7% người xuất cư từ nông thôn hiện có biên chế chính thức so với 3% người ở đô thị. Tuy nhiên xét theo giới tính, nếu tỷ lệ nữ hiện có biên chế chính thức thấp hơn đáng kể so với nam (0,4% so với 2,1%), thì do tính chất yêu cầu của một số nhóm nghề đang được phát triển ở thành phố nên tỷ lệ ký hợp đồng dài hạn có cao hơn so với lao động nam (25,8% so với 21%). Người có trình độ học vấn cao hơn có độ ổn định trong công việc cao hơn so với những người có trình độ học vấn thấp hơn, đặc biệt là đối với những người có trình độ từ trung cấp chuyên nghiệp trở

lên. Tuổi cũng là yếu tố quyết định việc làm, tỷ lệ lao động nhập cư trẻ có biên chế chính thức hoặc hợp đồng dài hạn cao hơn so với những người lớn tuổi.

Cuộc khảo sát này cũng cho thấy thu nhập bình quân của lao động nam cao hơn so với lao động nữ và những người học vấn cao hơn thì có thu nhập cao hơn. Chẳng hạn, những người có trình độ học vấn từ trung cấp trở lên có mức thu nhập bình quân cao hơn 50% so với những người có trình độ cấp 1 trở xuống. Tương tự như vậy, những người lao động nhập cư làm việc không có tay nghề chỉ đạt được thu nhập bình quân thặng của những người lao động có tay nghề cao (có bằng cấp). Nhìn chung, giữa học vấn và thu nhập có mối quan hệ mật thiết bởi thu nhập được quyết định bởi học vấn. Lao động nhập cư nam có học vấn cao hơn lao động nữ khi xuất cư, do vậy, mức độ hội nhập vào thị trường lao động đô thị thuận lợi hơn và cũng kiếm được thu nhập nhiều hơn lao động nhập cư nữ. Như vậy, nơi xuất cư và các đặc điểm cá nhân của nam giới và phụ nữ nhập cư có ảnh hưởng quan trọng đối với khả năng hội nhập của họ. Điều này góp phần xác nhận giả thuyết rằng nam giới thì hội nhập nhanh hơn nữ ở lĩnh vực nghề nghiệp - việc làm do có học vấn cao hơn.

3. Kết luận

Người nhập cư đến thành phố với sự đa dạng về thành phần. Tùy vào đặc điểm cá nhân, mỗi người nhập cư sẽ có khả năng tiếp cận khác nhau với những cơ hội về việc làm. Nhìn chung, hiện nay người nhập cư không tốn nhiều thời gian để tìm một công việc cho mình ở thị trường lao động đô thị. Sự hội nhập của người nhập cư vào đời sống đô thị thể hiện rõ qua sự tìm kiếm việc làm trong các khu vực kinh tế khác nhau. Kết quả cho thấy phần lớn những người di cư thuộc độ tuổi trẻ (45 tuổi trở xuống) và nữ giới di cư nhiều hơn nam. Những người nhập cư là nam có trình độ học vấn cao hơn nữ giới và những người xuất cư từ thành thị có trình độ học vấn cao hơn những người xuất cư từ nông thôn. Trong đó, phần lớn những người nhập cư đến đô thị vì các lý do kinh tế.

Trong quá trình hội nhập, người nhập cư có những nỗ lực riêng để thích nghi vào thị trường lao động đô thị. Họ không tốn nhiều thời gian để tìm một công việc cho mình ở thành phố. Giai đoạn đầu họ có thể làm những công việc ngắn hạn, không ổn định để sau đó có được những công việc ổn

định và có thu nhập cao hơn. Ở nghiên cứu này, thời gian tìm việc không có sự khác biệt về giới, hầu hết những người di cư đã tìm được việc nhanh chóng, thậm chí còn đi làm ngay sau ngày đầu tiên đến thành phố. Kết quả nghiên cứu cho thấy lý thuyết tân cổ điển về việc làm và tách biệt giới trên thị trường lao động là phù hợp để phân tích những khác biệt giới trong quá trình hội nhập của những người lao động nhập cư. Sự khác biệt đó thể hiện qua sự phân bố giới tính vào các nhóm nghề và khu vực kinh tế. Và có sự khác biệt nam và nữ trong khu vực kinh tế chính thức và khu vực kinh tế phi chính thức.

Thị trường lao động ở thành phố Hồ Chí Minh là một thị trường mở, đa dạng về nghề nghiệp, và khu vực kinh tế, người nhập cư dù là nam hay nữ cũng có thể cố gắng hội nhập như nhau. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cung cấp một số bằng chứng ủng hộ giả thuyết là nữ có xu hướng hội nhập kém hơn nam về nghề nghiệp - việc làm, mặc dù sự khác biệt giới chưa thực sự mạnh.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự cần thiết phải quan tâm đến việc nâng cao trình độ học vấn, hoặc hướng nghiệp và đào tạo nghề nghiệp chuyên môn cho người lao động nông thôn nói chung và phụ nữ nói riêng. Điều đó sẽ giúp cho họ dễ dàng tìm việc làm ở nhiều nơi, nhanh chóng hòa nhập với công việc mới. Ở các khu vực kinh tế không chính thức, cần có biện pháp khuyến khích người sử dụng lao động trong khu vực này bảo đảm các chế độ của người lao động theo qui định của Luật Lao động. Và để giúp đỡ những người nhập cư nhanh chóng ổn định cuộc sống, hội nhập vào thị trường lao động đô thị, bên cạnh các “kênh thông tin không chính thức”, chính quyền thành phố cần tăng cường sử dụng kênh thông tin chính thức để cung cấp các thông tin về cơ hội việc làm. ■

Tài liệu tham khảo

- Hà Thị Phương Tiến và cộng sự. 2000. *Lao động nữ di cư tự do Nông thôn – Thành thị*. Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
- Ngô Thị Tuấn Dung. 2005. “Giới và việc làm trên thị trường lao động – Một số tiếp cận lý thuyết”. *Tạp chí Khoa học Phụ nữ*, số 4 (71)-2005, tr. 10-21.
- Nguyễn Trọng Liêm. 2005. *Hành trình hội nhập của di dân tự do vào thành phố Hồ Chí Minh – nhìn từ góc độ kinh tế và xã hội*. Chi cục Phát triển Nông thôn thành phố Hồ Chí Minh.